ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 568 /KH-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035

Thực hiện Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh về ban hành Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 (sau đây gọi là Đề án); xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Văn bản số 2110/TTr-STP ngày 13/8/2026; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành thống nhất, xuyên suốt và thực hiện các nhiệm vụ đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu đề ra.

- Làm căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định trong Đề án; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các Chương trình, kế hoạch của Trung ương, của địa phương về đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Phân công nhiệm vụ bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian hoàn thành và rõ kết quả đầu ra; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Quá trình triển khai phải bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, thiết thực, hiệu quả; tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy vai trò của cơ quan chủ trì và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án phải bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; gắn kết quả thực hiện Đề án với công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Từng bước nâng cao chất lượng chính sách, văn bản QPPL của tỉnh theo hướng minh bạch, khả thi; bảo đảm việc ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đến năm 2030:

- 100% dự thảo văn bản QPPL cấp tỉnh được lấy ý kiến theo đúng quy định; phấn đấu tối thiểu 50% dự thảo chính sách có tác động lớn được lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học trước khi trình ban hành.

- Phấn đấu giảm tối thiểu 30% số văn bản QPPL phải sửa đổi, bổ sung trong vòng 24 tháng kể từ khi ban hành do bất cập về chất lượng chính sách hoặc kỹ thuật xây dựng văn bản.

Định hướng đến năm 2035: 100% chính sách của tỉnh đều được nghiên cứu, phân tích tác động đầy đủ trước khi ban hành. Từng bước xây dựng cơ chế phản biện chính sách thường xuyên với sự tham gia của chuyên gia, người dân và doanh nghiệp.

3.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật

Bảo đảm pháp luật được triển khai kịp thời, nghiêm minh, thống nhất trên địa bàn tỉnh; hình thành cơ chế tổ chức thi hành pháp luật theo hướng lấy kết quả thực hiện làm thước đo, có theo dõi, đánh giá, phản hồi và xử lý trách nhiệm rõ ràng.

Đến năm 2030:

- 100% văn bản QPPL được tổ chức thi hành, phổ biến, quán triệt kịp thời sau khi ban hành.

- 100% văn bản QPPL được theo dõi tình hình tổ chức thi hành pháp luật theo quy định; trong đó 100% chính sách liên quan đến người dân, doanh nghiệp được đánh giá hiệu quả thực hiện hàng năm.

- 100% phản ánh, kiến nghị liên quan đến văn bản QPPL được tiếp nhận, phản hồi theo quy định.

- Hàng năm, thực hiện rà soát 100% số văn bản QPPL còn hiệu lực để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định không còn phù hợp.

Định hướng đến năm 2035: vận hành có hiệu quả hệ thống tổ chức thi hành pháp luật dựa trên dữ liệu số, làm cơ sở để đánh giá thường xuyên mức độ thực thi và hiệu quả của chính sách. Thiết lập cơ chế phản hồi chính sách từ thực tiễn giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

3.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật chuyên nghiệp

Từng bước kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tư pháp, pháp chế tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, đủ năng lực tham mưu chính sách và tổ chức thi hành pháp luật. Chỉ số đo lường đến năm 2030:

- Đến tháng 6/2027, 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh bố trí công chức làm công tác pháp chế theo quy định.

- 100% cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ hằng năm.

- Tăng tối thiểu 20% số cán bộ, công chức có trình độ chuyên sâu về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật so với giai đoạn trước.

Định hướng đến năm 2035: Hình thành đội ngũ chuyên gia pháp luật và chính sách của tỉnh có năng lực nghiên cứu, phân tích và đề xuất chính sách phục vụ phát triển địa phương.

3.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Đến năm 2030, chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, ưu tiên số hóa dữ liệu, kết nối thông tin và hình thành công cụ điều hành phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo.

- 100% văn bản QPPL của tỉnh được số hóa và tích hợp trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật, Công báo điện tử của tỉnh.

- 100% hoạt động tổng hợp, theo dõi, báo cáo về rà soát, kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL ở cấp tỉnh được thực hiện trên môi trường số; từng bước chuẩn hóa, mở rộng kết nối đến cấp xã theo lộ trình phù hợp.

Định hướng đến năm 2035: hình thành hệ thống quản trị pháp luật số của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và các hệ thống quản lý nhà nước khác.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Đề án

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án bằng các hình thức phù hợp; kịp thời phổ biến các mô hình hay, cách làm hiệu quả, kinh nghiệm thực tiễn trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án.

- Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Đề án tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, trách nhiệm thực hiện và các điều kiện bảo đảm để tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch hoặc tích hợp Kế hoạch triển khai Đề án (thành Chương/Mục riêng) trong Kế hoạch công tác tư pháp, pháp chế để tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, hình thức.

2. Đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

a) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu

- Rà soát, đề xuất hoàn thiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh; sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của các sở, ban, ngành và UBND cấp xã theo hướng xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong từng khâu của công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả thực hiện.

- Định kỳ thực hiện giao ban chuyên đề về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; tập trung rà soát tiến độ xây dựng văn bản QPPL, việc ban hành văn bản quy định chi tiết, tình hình tổ chức thi hành pháp luật và các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; kịp thời chấn chỉnh tình trạng chậm tiến độ, chất lượng tham mưu không đáp ứng yêu cầu hoặc không bảo đảm quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn. Rà soát các khâu có nguy cơ phát sinh tiêu cực trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường kiểm tra, kiểm soát quyền lực trong công tác xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện văn bản QPPL theo Quy định số 178-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, *"cài cắm"* lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Rà soát, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tập thể, cá nhân theo hướng nâng cao vai trò của công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác này; lấy chất lượng văn bản, tiến độ tham mưu, hiệu quả tổ chức thực hiện và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm căn cứ quan trọng trong đánh giá, xếp loại.

b) Chủ động xây dựng thể chế, chính sách phục vụ phát triển

- Chủ động rà soát các nghị quyết, chương trình, đề án, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước để xác định các nội dung cần thể chế hóa; phân tích, dự báo nhu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản QPPL, xây dựng danh mục các cơ chế, chính sách trọng điểm cần ưu tiên nghiên cứu, ban hành trong từng giai đoạn.

- Trên cơ sở chính sách ưu tiên được định hướng tại Phụ lục III của Đề án, tập trung nghiên cứu, tham mưu xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL trong các lĩnh vực trọng điểm, động lực phát triển của tỉnh như: phát triển Khu kinh tế Vũng Áng; công nghiệp chế biến, chế tạo; logistics; chuyển đổi số; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển doanh nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phát triển đô thị và hạ tầng chiến lược.

- Trong quá trình xây dựng văn bản QPPL, các cơ quan soạn thảo bảo đảm thực hiện nghiêm việc báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo; ưu tiên tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sở Tư pháp, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã kiểm soát chặt chẽ nội dung này trong quá trình thẩm định văn bản QPPL.

- Đưa nội dung đề xuất xây dựng chính sách phát triển ngành, lĩnh vực vào bộ tiêu chí chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban, ngành.

c) Thiết lập cơ chế điều hành tập trung, thống nhất

- Tham mưu UBND tỉnh họp giao ban chuyên đề định kỳ về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; phân công trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh trong phối hợp với Sở Tư pháp theo dõi tiến độ, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ này.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống theo dõi nhiệm vụ, tiến độ thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên môi trường số.

- Nghiên cứu triển khai cơ chế soạn thảo tập trung, chuyên nghiệp đối với các dự thảo quan trọng, phức tạp, có phạm vi tác động lớn nhằm nâng cao chất lượng nội dung và tính khả thi của văn bản QPPL (theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

3. Nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và văn bản QPPL

a) Đổi mới việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL theo hướng khoa học, thực chất, nâng cao chất lượng từ giai đoạn đề xuất chính sách

- Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả quy trình nội bộ trong xây dựng văn bản QPPL; tăng cường trách nhiệm của cơ quan soạn thảo trong công tác khảo sát thực tiễn, điều tra, thu thập thông tin, số liệu phục vụ xây dựng chính sách, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động, chuyên gia, nhà khoa học; bảo đảm việc xây dựng văn bản QPPL xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật.

- Kiểm soát chất lượng hồ sơ dự thảo văn bản QPPL ngay từ giai đoạn đăng ký, đề xuất; kịp thời rà soát, yêu cầu hoàn thiện hoặc trả lại đối với hồ sơ thẩm định chưa bảo đảm chất lượng, thiếu cơ sở thực tiễn và tính khả thi.

- Trước khi đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới văn bản QPPL, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức rà soát, sơ kết, tổng kết việc thi hành các quy định hiện hành; đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất phương án xử lý, hoàn thiện quy định.

b) Đổi mới cơ chế tham vấn và phản biện chính sách

- Thực hiện tham vấn, phản biện chính sách ngay từ giai đoạn đề xuất và trong quá trình xây dựng văn bản QPPL; lựa chọn hình thức, đối tượng tham vấn phù hợp, tập trung vào các nội dung trọng tâm, còn có nhiều ý kiến khác nhau hoặc dự kiến khó khăn trong tổ chức thực hiện; đối với các dự thảo văn bản quan trọng, có tác động lớn, tổ chức phản biện, đối thoại, tọa đàm, hội thảo chuyên đề trước khi hoàn thiện hồ sơ, với sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, hiệp hội doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học và các đối tượng chịu tác động.

- Rà soát, lập danh sách chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ có chuyên môn sâu từng ngành, lĩnh vực để phục vụ công tác tham vấn, phản biện chính sách. Đối với các chính sách quan trọng, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nghiên cứu đặt hàng báo cáo phản biện độc lập hoặc tham vấn chuyên sâu để đánh giá đa chiều đối với các phương án chính sách; thực hiện đầy đủ việc hỗ trợ, thanh

toán kinh phí đối với hoạt động lấy ý kiến theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và pháp luật hiện hành.

- Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong tham gia góp ý xây dựng văn bản QPPL.

c) Tăng cường chất lượng thẩm định, kiểm tra và tự kiểm tra văn bản

- Nâng cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, đúng thành phần, chất lượng và gửi đúng thời hạn để cơ quan thẩm định có thời gian nghiên cứu, đánh giá toàn diện.

- Gắn trách nhiệm cá nhân trong hoạt động thẩm định; ưu tiên bố trí cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực phân tích chính sách và kỹ năng xây dựng pháp luật tham gia thẩm định các dự thảo văn bản phức tạp, có tác động lớn.

- Đối với các dự thảo Nghị quyết phức tạp, chủ động mời đại diện các Ban của HĐND tỉnh tham gia các cuộc họp thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh để nâng cao chất lượng phối hợp và thống nhất trong quá trình xây dựng văn bản.

- Nâng cao chất lượng nội dung báo cáo thẩm định văn bản QPPL; tập trung đánh giá toàn diện về sự cần thiết ban hành, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo văn bản QPPL với hệ thống pháp luật; chú trọng phân tích tính khả thi, nguồn lực và điều kiện bảo đảm thi hành; bảo đảm việc thẩm định khách quan, độc lập, có chính kiến rõ ràng đối với các nội dung còn có ý kiến khác nhau hoặc có thể phát sinh vướng mắc, khó khăn trong tổ chức thực hiện. Kết luận chưa đủ điều kiện trình đối với các dự thảo văn bản QPPL chưa bảo đảm yêu cầu về chất lượng hồ sơ, cơ sở thực tiễn, đánh giá tác động và tính khả thi khi thẩm định.

- Thực hiện nghiêm việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; đối với các nội dung không tiếp thu phải nêu rõ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn và lý do cụ thể.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL sau khi ban hành, tập trung vào các văn bản có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và các lĩnh vực dễ phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Gắn công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL với theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo nhằm kịp thời phát hiện các quy định còn bất cập, chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp với thực tiễn hoặc thiếu tính khả thi để kiến nghị xử lý, hoàn thiện.

- Phát huy vai trò đầu mối của Sở Tư pháp trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản QPPL; tổng hợp, tham mưu xử lý kịp thời đối với các văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, không còn phù hợp hoặc phát sinh vướng mắc trong quá trình thi hành, góp phần nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

d) Rà soát, chuẩn hóa hệ thống văn bản QPPL của tỉnh

- Hoàn thành tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL theo Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15, Quyết định số 05/QĐ-BCĐ, Thông báo số 2331/TB-BCĐ và Công điện số 32/CĐ-TTg, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng. Trong quá trình rà soát,

tăng cường tổ chức hội nghị, tọa đàm để lấy ý kiến chuyên gia, đối tượng chịu tác động trực tiếp, các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm đánh giá toàn diện tính phù hợp, tính khả thi và những bất cập của văn bản QPPL trên từng lĩnh vực.

- Trên cơ sở Phụ lục II của Đề án, kết quả tổng rà soát văn bản QPPL và kế hoạch xây dựng văn bản QPPL hàng năm của tỉnh, xây dựng lộ trình xử lý văn bản bảo đảm kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm và phân bổ thời gian hợp lý; ưu tiên xử lý các văn bản chịu tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, thay đổi căn cứ pháp lý hoặc đang phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. Xác định rõ thời hạn xử lý, cơ quan chủ trì tham mưu xử lý đối với từng nhóm văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới; bảo đảm việc rà soát có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, kéo dài.

- Thực hiện rà soát văn bản QPPL theo quy định. Tổ chức rà soát chuyên đề đối với các lĩnh vực trọng tâm, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, đất đai, môi trường và các lĩnh vực phát sinh nhiều phản ánh, kiến nghị; chủ động phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản và các kiến nghị xử lý đối với những nội dung bất cập, chồng chéo hoặc không còn phù hợp thực tiễn.

4. Đổi mới căn bản công tác tổ chức thi hành pháp luật

a) Xác định tổ chức thi hành pháp luật là khâu trọng tâm trong quản lý nhà nước bằng pháp luật

- Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL có trách nhiệm chủ động tổ chức triển khai thi hành sau khi văn bản được ban hành; kịp thời tổ chức phổ biến, tập huấn, hướng dẫn áp dụng và theo dõi tình hình thực hiện, bảo đảm văn bản được triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong thực tiễn.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình áp dụng để hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, bảo đảm các quy định của văn bản được thực hiện thống nhất, kịp thời và hiệu quả.

b) Thiết lập cơ chế gắn kết giữa xây dựng văn bản QPPL với tổ chức thi hành pháp luật

- Thiết lập cơ chế phối hợp giữa cơ quan tư pháp, cơ quan thanh tra, kiểm tra và các sở, ban, ngành để chia sẻ thông tin kịp thời, tránh trùng lặp, phân tán dữ liệu. Bên cạnh đó, phát huy vai trò của cơ quan chủ trì trong điều phối, tổng hợp thông tin về thi hành văn bản QPPL.

- Tổ chức quán triệt, tập huấn, hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường áp dụng thống nhất quy trình quản lý tổ chức thi hành pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản QPPL.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc áp dụng và thực hiện quy trình quản lý tổ chức thi hành pháp luật tại các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để hướng dẫn hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Tăng cường theo dõi thi hành văn bản QPPL theo chuyên đề, lĩnh vực trọng tâm

- Ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL xác định rõ lĩnh vực trọng tâm, chuyên đề như: đầu tư, đất đai, tài nguyên, xây dựng, tài chính - ngân sách, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, chính quyền địa phương hai cấp…

- Tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế việc thi hành pháp luật tại một số địa phương, đơn vị trong lĩnh vực trọng tâm, chuyên đề để xác định vướng mắc, bất cập trong thực tiễn.

- Phân tích, đánh giá nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật trong từng lĩnh vực, địa phương; xác định rõ nguyên nhân từ quy định pháp luật, từ tổ chức thực hiện hoặc từ điều kiện thực tiễn.

- Nâng cao chất lượng kết luận và kiến nghị sau kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và lộ trình, biện pháp khắc phục cụ thể.

- Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp chậm triển khai hoặc không thực hiện đầy đủ, bảo đảm tính nghiêm minh, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động kiểm tra.

d) Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng gắn với chính sách và nhu cầu xã hội

- Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) các cấp; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng trong hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PBGDPL thuộc phạm vi quản lý; phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội trong công tác này; rà soát, xây dựng và nhân rộng các mô hình PBGDPL hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Đổi mới công tác PBGDPL theo hướng lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường truyền thông chính sách có trọng tâm, trọng điểm, đúng đối tượng, đúng thời điểm; tập trung phổ biến kịp thời các quy định pháp luật mới liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp và các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, tranh chấp, khiếu kiện.

- Nội dung PBGDPL phải gắn với nhu cầu thực tiễn, tăng cường hỏi - đáp pháp luật gắn với tình huống thực tiễn; đa dạng hóa hình thức phổ biến phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và lĩnh vực.

- Thực hiện hiệu quả Đề án chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025 - 2030; nâng cao hiệu quả khai thác Cổng/Trang thông tin điện tử, nền tảng số, mạng xã hội và các ứng dụng công nghệ phục vụ phổ biến pháp luật; nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chatbot hỗ trợ cung cấp và giải đáp thông tin pháp luật.

- Tăng cường xây dựng, số hóa các tài liệu PBGDPL dưới nhiều hình thức như infographic, video ngắn, tài liệu hỏi - đáp điện tử, podcast, cẩm nang điện tử, truyền thanh thông minh bằng giọng đọc AI (khuyến khích các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chủ động xây dựng tài liệu phù hợp để hỗ trợ cấp xã sử dụng trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật); tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến, tập huấn trực tuyến và nhân rộng các mô hình PBGDPL ứng dụng công nghệ số.

5. Xây dựng cơ chế phản hồi chính sách và sử dụng thông tin thực tiễn để hoàn thiện pháp luật

a) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về pháp luật theo hướng thực chất

- Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện thống nhất quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý, phản hồi, tổng hợp và kiến nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị liên quan đến văn bản QPPL; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong từng khâu xử lý, bảo đảm việc tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị được thực hiện kịp thời, thực chất và hiệu quả.

- Tổ chức vận hành hiệu quả Hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL theo quy định; thực hiện kết nối, tích hợp với ứng dụng công dân số i-HaTinh và các nền tảng số có liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình áp dụng pháp luật.

- Đẩy mạnh truyền thông để người dân, doanh nghiệp biết, tiếp cận và sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL thông qua các hình thức phù hợp như niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị; lồng ghép trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và truyền thông trên môi trường số.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc việc xử lý các phản ánh, kiến nghị của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan đến văn bản QPPL; kịp thời tổng hợp, rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu tính khả thi hoặc có nguy cơ trở thành điểm nghẽn về thể chế trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Định kỳ tổng hợp, phân tích các nhóm vấn đề được phản ánh nhiều, kéo dài hoặc có tác động lớn đến người dân, doanh nghiệp và hoạt động quản lý nhà nước để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý hoặc đưa vào kế hoạch rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật.

b) Nâng cao hiệu quả thu thập, khai thác và xử lý thông tin phục vụ tổ chức thi hành pháp luật

- Thiết lập và vận hành cơ chế tiếp nhận, tổng hợp, quản lý và khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ công tác tổ chức thi hành pháp luật từ nhiều nguồn khác nhau như: khảo sát thực tiễn, đối thoại với doanh nghiệp, tiếp xúc cử tri, phản ánh của báo chí, hệ thống thông tin phản ánh, kiến nghị, nền tảng số, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, hiệp hội ngành nghề, kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nguồn thông tin hợp pháp khác.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp, chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu giữa cơ quan tư pháp với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, các sở, ban, ngành và địa phương nhằm bảo đảm thông tin phục vụ công tác tổ chức thi hành pháp luật được cập nhật kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, tránh trùng lặp, phân tán và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng dữ liệu.

- Đa dạng hóa hình thức thu thập thông tin, điều tra, khảo sát thông qua phát phiếu khảo sát, tổ chức tọa đàm, đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp của cơ quan thực thi, người dân và doanh nghiệp; đồng thời kết hợp khai thác thông tin từ báo chí, hệ thống phản ánh, kiến nghị, kết quả thanh tra, kiểm tra và các nguồn thông tin liên quan khác nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện và sát thực tiễn.

- Trên cơ sở thông tin, dữ liệu thu thập được, kịp thời phân tích, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, phát hiện các quy định còn bất cập, chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu tính khả thi hoặc phát sinh vướng mắc trong thực tiễn để tham mưu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp.

c) Gắn phản hồi thực tiễn với sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật

- Xác định thông tin, phản ánh từ thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật là nguồn dữ liệu quan trọng phục vụ công tác rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản QPPL.

- Ưu tiên tham mưu xây dựng các chính sách của tỉnh nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hạn chế đề xuất ban hành các quy định làm phát sinh thủ tục hành chính; tăng cường rà soát thực tiễn, đánh giá tác động chính sách, đánh giá chi phí tuân thủ và điều kiện bảo đảm thi hành trước khi đề xuất ban hành văn bản.

- Định kỳ hàng quý tổng hợp, phân tích các lỗi phổ biến trong công tác xây dựng văn bản QPPL thông qua hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; phân loại theo các nhóm lỗi về thẩm quyền, nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày, hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện để xây dựng văn bản, tài liệu hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ.

6. Chuyển đổi số và xây dựng mô hình quản trị pháp luật hiện đại của tỉnh

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh đồng bộ, thống nhất

- Trên cơ sở kết quả tổng rà soát văn bản QPPL của tỉnh, tổ chức số hóa, cập nhật và chuẩn hóa toàn bộ văn bản QPPL còn hiệu lực của HĐND, UBND tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; bảo đảm dữ liệu được quản lý tập trung, thống nhất, đầy đủ, chính xác và thuận tiện cho khai thác, sử dụng.

- Chuẩn hóa và số hóa thông tin văn bản QPPL của tỉnh theo các tiêu chí như: lĩnh vực quản lý, cơ quan ban hành, thời điểm ban hành, hiệu lực thi hành, tình trạng xử lý, nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ; bảo đảm thuận lợi cho việc tra cứu, rà soát, theo dõi và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b) Thiết lập công cụ trực quan hóa dữ liệu về quản trị pháp luật phục vụ điều hành của UBND tỉnh

Nghiên cứu xây dựng bảng điều hành quản trị pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh trên môi trường số nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi và đánh giá toàn diện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, gồm các nhóm thông tin cơ bản như: tiến độ xây dựng, ban hành văn bản QPPL; tiến độ xử lý văn bản sau rà soát; kết quả kiểm tra, rà soát văn bản; tình hình tổ chức thi hành pháp luật; phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

c) Từng bước hình thành mô hình Hệ thống quản trị pháp luật tỉnh Hà Tĩnh

- Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trên cả nước để từng bước xây dựng Hệ thống quản trị pháp luật của tỉnh Hà Tĩnh trên nền tảng dữ liệu số và các công cụ quản trị hiện đại phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm nâng cao chất lượng xây dựng chính sách, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật và năng lực điều hành của chính quyền các cấp.

- Rà soát, chuẩn hóa và từng bước số hóa dữ liệu phục vụ công tác xây dựng, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành pháp luật; xây dựng quy trình cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin giữa các cơ quan, đơn vị nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật.

7. Phát triển nguồn nhân lực và điều kiện bảo đảm thực hiện

a) Kiện toàn, nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ làm công tác pháp luật

- Rà soát, kiện toàn, bảo đảm bố trí công chức làm công tác pháp chế theo đúng quy định, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị.

- Trên cơ sở biên chế hiện có, các sở, ban, ngành xây dựng vị trí việc làm phù hợp; bố trí ít nhất 01 công chức có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu tham mưu công tác xây dựng văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật.

- Ưu tiên củng cố, tăng cường nguồn nhân lực cho các khâu trọng tâm như: xây dựng chính sách, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, xử lý phản ánh, kiến nghị và triển khai chuyển đổi số trong công tác này.

b) Xây dựng đội ngũ làm công tác pháp luật có năng lực chính sách và quản trị pháp luật

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật theo hướng nâng cao năng lực phân tích chính sách, thẩm định, rà soát văn bản QPPL, xử lý tình huống pháp lý, kỹ năng tham vấn và ứng dụng công nghệ số trong thực thi nhiệm vụ; tăng cường mời báo cáo viên, chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu, kinh nghiệm thực tiễn tham gia tập huấn, trao đổi chuyên đề; từng bước hình thành đội ngũ cán bộ nòng cốt, cộng tác viên phục vụ công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại cấp tỉnh và cấp xã.

- Tạo điều kiện, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, tranh chấp đầu tư quốc tế do các cơ quan Trung ương tổ chức.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm tại một số địa phương thực hiện hiệu quả, chất lượng trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật cho đối tượng là cán bộ làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật tại cấp tỉnh, cấp xã.

- Ưu tiên thu hút, tuyển dụng, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, đặc biệt là những người tốt nghiệp loại xuất sắc tại cơ sở đào tạo ngành luật uy tín trên cả nước, người có học vị tiến sĩ hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành luật tại nước ngoài vào làm việc tại Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của tỉnh.

- Khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác pháp luật.

- Xây dựng, phát hành các tài liệu, sổ tay, bài giảng điện tử về kiến thức, kỹ năng xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật.

c) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và điều kiện kỹ thuật

- Bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên cho các nhiệm vụ thiết yếu như: xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật; chuyển đổi số; đào tạo, bồi dưỡng.

- Chủ động lồng ghép kinh phí thực hiện Đề án với các chương trình, đề án, nhiệm vụ về cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và các nhiệm vụ chuyên môn có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị và điều kiện kỹ thuật phục vụ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp, tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ phục vụ công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

(có phụ lục nhiệm vụ trọng tâm ban hành kèm theo Kế hoạch)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương

1.1. Sở Tư pháp

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án hàng năm; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tại các sở, ban, ngành và địa phương.

- Chủ trì tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp, quy trình quản lý công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định; hướng dẫn nghiệp vụ về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật.

- Chủ trì tham mưu triển khai các nhiệm vụ về đổi mới công tác xây dựng chính sách, nâng cao chất lượng thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, "điểm nghẽn thể chế" phát sinh trong thực tiễn để tham mưu UBND tỉnh xử lý.

- Chủ trì tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ tại tiểu mục 1.6 mục 1 phần III Kế hoạch này.

1.2. Văn phòng UBND tỉnh

Ngoài thực hiện các nhiệm vụ tại tiểu mục 1.6 mục 1 phần III Kế hoạch này, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với Sở Tư pháp theo dõi tiến độ xây dựng, ban hành văn bản QPPL; đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật gắn với công tác chỉ đạo, điều hành chung của UBND tỉnh.

- Phối hợp tham mưu tổ chức các cuộc họp chuyên đề về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp xây dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu và triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản trị pháp luật của tỉnh.

1.3. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành tham mưu phương án kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ tại tiểu mục 1.6 mục 1 phần III Kế hoạch này.

1.4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành tham mưu triển khai chuyển đổi số trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), các nền tảng số để số hóa, chuẩn hóa, cập nhật, quản lý, khai thác và xử lý dữ liệu văn bản pháp luật.

- Hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin và hạ tầng kỹ thuật phục vụ xây dựng mô hình quản trị pháp luật hiện đại của tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ tại tiểu mục 1.6 mục 1 phần III Kế hoạch này.

1.5. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, kiện toàn tổ chức pháp chế, vị trí việc làm và đội ngũ công chức làm công tác tư pháp, pháp chế tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phối hợp tham mưu đưa kết quả thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

- Phối hợp tham mưu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ tại tiểu mục 1.6 mục 1 phần III Kế hoạch này.

1.6. Các sở, ban, ngành

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án của cơ quan, đơn vị.

- Trên cơ sở danh mục tại Phụ lục II của Đề án; kết quả tổng rà soát văn bản QPPL; chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của UBND tỉnh để xây dựng lộ trình xử lý văn bản thuộc lĩnh vực quản lý.

- Trên cơ sở định hướng tại Phụ lục III của Đề án, nghiên cứu, đề xuất xây dựng các chính sách trọng tâm của tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn, trên cơ sở đánh giá đầy đủ các nguồn lực và điều kiện triển khai.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, theo dõi tình hình thi hành pháp luật và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật.

- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

1.7. UBND cấp xã

- Chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai Đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Chủ động rà soát, phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật; phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Đề nghị Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Trường Chính trị Trần Phú phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung theo Đề án.

3. Chế độ báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết

- Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng, năm *(báo cáo tổng hợp trong báo cáo công tác tư pháp, thời hạn và đề cương báo cáo theo hướng dẫn của Sở Tư pháp)* hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Sở Tư pháp chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tổ chức tổng kết việc thực hiện Đề án vào cuối giai đoạn theo quy định.

4. Kinh phí tổ chức thực hiện

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu phương án xử lý, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT và XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC_3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành